

Số: 1007/QĐ-ĐHL

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc sửa đổi, bổ sung các chương trình đào tạo trình độ đại học
HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 118/2000/QĐ-TTg ngày 10/10/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc thay đổi tổ chức của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh (tách Trường Đại học Luật thuộc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh thành Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Kết luận số 1032/TB-ĐHL ngày 06/10/2020 của Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo về việc thông qua 7 chương trình đào tạo trình độ đại học sửa đổi, bổ sung;
Theo đề nghị của Trường Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 7 chương trình đào tạo trình độ đại học (sửa đổi, bổ sung) theo hệ thống tín chỉ, bao gồm:

1. Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ngành Luật;
2. Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ngành Luật Thương mại quốc tế;
3. Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ngành Quản trị kinh doanh;
4. Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ngành Quản trị - Luật;
5. Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ngành Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Anh văn pháp lý;
6. Chương trình đào tạo trình độ đại học văn bằng 1 hệ vừa làm vừa học ngành Luật;
7. Chương trình đào tạo trình độ đại học văn bằng 2 hệ chính quy và hệ vừa làm vừa học ngành Luật.

Điều 2. Các Chương trình đào tạo này được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2020.

Điều 3. Trưởng các Phòng: Đào tạo, Công tác sinh viên, Tài chính - Kế toán; Trưởng các Khoa và sinh viên theo học các chương trình đào tạo nêu trên căn cứ Quyết định thi hành. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: Văn thư, Đào tạo.

KT HIỆU TRƯỞNG
HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
LUẬT
TP. HỒ CHÍ MINH
Trần Hoàng Hải

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2020

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH LUẬT THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1007/QĐ-ĐHL ngày 30/10/2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh)

1. Chương trình tổng thể: khối lượng kiến thức của toàn chương trình là **124 tín chỉ**, được thực hiện trong 4,0 năm, trong đó:

Stt	Khối lượng kiến thức	Số tín chỉ
1.	Khối kiến thức giáo dục đại cương (không bao gồm 3 tín chỉ của học phần Giáo dục thể chất và 11 tín chỉ của học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh)	20
2.	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	104
	a) Kiến thức cơ sở của khối ngành và ngành	22
	b) Kiến thức ngành	77
	- Kiến thức chung:	65
	- Kiến thức bắt buộc của từng Khoa:	6
	- Kiến thức tự chọn chung của 5 Khoa:	6
	c) Khóa luận tốt nghiệp hoặc thực tập cuối khóa và học, thi học phần chuyên môn	5
	Cộng:	124

2. Chương trình chi tiết

2.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 20 tín chỉ (không tính số tín chỉ của học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và an ninh).

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Triết học Mác - Lênin	3	Khoa Khoa học cơ bản
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Khoa Khoa học cơ bản
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Khoa Khoa học cơ bản
4.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Khoa Khoa học cơ bản
5.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa Khoa học cơ bản
6.	Tin học đại cương	2	Trung tâm CNTT
7.	Tiếng Anh (theo chương trình TOEIC quốc tế hoặc tương đương)	7	Phòng Đào tạo
8.	Giáo dục thể chất	3	Khoa Khoa học cơ bản
9.	Giáo dục quốc phòng - an ninh	11	Phòng Đào tạo
	Cộng:	20	



2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 104 tín chỉ, trong đó:

2.2.1. Kiến thức cơ sở của khối ngành và ngành: 22 tín chỉ.

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Đại cương văn hóa Việt Nam	2	Khoa Khoa học cơ bản
2.	Kỹ năng lập luận pháp lý	2	Khoa Khoa học cơ bản
3.	Logic học	2	Khoa Khoa học cơ bản
4.	Tâm lý học đại cương	2	Khoa Khoa học cơ bản
5.	Xã hội học pháp luật	2	Khoa Khoa học cơ bản
6.	Lý luận về nhà nước và pháp luật	3	Khoa luật Hành chính
7.	Lịch sử nhà nước và pháp luật	3	Khoa luật Hành chính
8.	Kỹ năng soạn thảo văn bản	2	Khoa luật Hành chính
9.	Luật học so sánh	2	Khoa luật Quốc tế
10.	Quản trị học	2	Khoa Quản trị
	Cộng:	22	

2.2.2. Kiến thức ngành: 77 tín chỉ.

a) Kiến thức chung: 65 tín chỉ.

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Luật Hiến pháp	3	Khoa luật Hành chính
2.	Luật Hành chính	3	Khoa luật Hành chính
3.	Luật Tổ tụng hành chính	2	Khoa luật Hành chính
4.	Những quy định chung về Luật dân sự, tài sản và thừa kế	3	Khoa luật Dân sự
5.	Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	3	Khoa luật Dân sự
6.	Luật Hôn nhân và Gia đình	2	Khoa luật Dân sự
7.	Luật Lao động	3	Khoa luật Dân sự
8.	Luật Sở hữu trí tuệ	2	Khoa luật Dân sự
9.	Luật Tố tụng dân sự	3	Khoa luật Dân sự
10.	Kỹ năng thực hành pháp luật	3	Khoa luật Dân sự
11.	Luật Hình sự phần chung	3	Khoa luật Hình sự
12.	Luật Hình sự phần các tội phạm	3	Khoa luật Hình sự
13.	Luật Tố tụng hình sự	3	Khoa luật Hình sự
14.	Tội phạm học	2	Khoa luật Hình sự
15.	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	3	Khoa luật Thương mại
16.	Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ	2	Khoa luật Thương mại
17.	Luật Đầu tư	2	Khoa luật Thương mại
18.	Luật Đất đai	2	Khoa luật Thương mại
19.	Luật Môi trường	2	Khoa luật Thương mại
20.	Luật Ngân hàng	2	Khoa luật Thương mại
21.	Luật Tài chính công	3	Khoa luật Thương mại
22.	Công pháp quốc tế	3	Khoa luật Quốc tế
23.	Luật biển	2	Khoa luật Quốc tế
24.	Tư pháp quốc tế	3	Khoa luật Quốc tế
25.	Luật Thương mại quốc tế	3	Khoa luật Quốc tế
	Cộng:	65	

b) Kiến thức bắt buộc của từng Khoa: 6 tín chỉ.

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
❖	Khoa luật Thương mại		
	1. Luật Kinh doanh bảo hiểm	2	Khoa luật Thương mại
	2. Luật Cạnh tranh	2	Khoa luật Thương mại
	3. Pháp luật về kinh doanh bất động sản	2	Khoa luật Thương mại
❖	Khoa luật Dân sự		
	1. Giao dịch dân sự về bất động sản	2	Khoa luật Dân sự
	2. Luật Thi hành án dân sự	2	Khoa luật Dân sự
	3. Pháp luật về an sinh xã hội	2	Khoa luật Dân sự
❖	Khoa luật Quốc tế		
	1. Luật quốc tế về quyền con người	2	Khoa luật Quốc tế
	2. Luật kinh doanh quốc tế	2	Khoa luật Quốc tế
	3. Pháp luật về đầu tư quốc tế	2	Khoa luật Quốc tế
❖	Khoa luật Hình sự		
	1. Lý luận và kỹ năng định tội	2	Khoa luật Hình sự
	2. Luật Thi hành án hình sự	2	Khoa luật Hình sự
	3. Kỹ năng tranh tụng trong tố tụng hình sự	2	Khoa luật Hình sự
❖	Khoa luật Hành chính		
	1. Thủ tục hành chính	2	Khoa luật Hành chính
	2. Tổ chức chính quyền địa phương	2	Khoa luật Hành chính
	3. Pháp luật về thanh tra, khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng	2	Khoa luật Hành chính
	Cộng:	6TC/Khoa	

c) Kiến thức tự chọn chung của 5 Khoa: chọn 6/30 tín chỉ.

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
❖	Khoa luật Thương mại		
	1. Luật Thương mại điện tử	2	Khoa luật Thương mại
	2. Luật Chứng khoán	2	Khoa luật Thương mại
	3. Pháp luật về y tế và an toàn thực phẩm	2	Khoa luật Thương mại
❖	Khoa luật Dân sự		
	1. Giải quyết các yêu cầu, tranh chấp về hôn nhân và gia đình	2	Khoa luật Dân sự
	2. Hợp đồng dân sự thông dụng	2	Khoa luật Dân sự
	3. Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng thông dụng	2	Khoa luật Dân sự
❖	Khoa luật Quốc tế		
	1. Hệ thống pháp luật các nước ASEAN	2	Khoa luật Quốc tế
	2. Pháp luật về trọng tài thương mại quốc tế	2	Khoa luật Quốc tế
	3. Pháp luật quốc tế về sở hữu trí tuệ	2	Khoa luật Quốc tế
❖	Khoa luật Hình sự		
	1. Lý luận và kỹ năng định tội	2	Khoa luật Hình sự
	2. Luật Thi hành án hình sự	2	Khoa luật Hình sự
	3. Tư pháp hình sự đối với người chưa thành niên	2	Khoa luật Hình sự

GIA
 ĐAI HỌC
 AT
 HI MINH
 O

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
❖	Khoa luật Hành chính		
	1. Giám sát hiến pháp	2	Khoa luật Hành chính
	2. Luật Hiến pháp nước ngoài	2	Khoa luật Hành chính
	3. Pháp luật về công chứng, luật sư	2	Khoa luật Hành chính
	Cộng:	6/30	

2.2.3. Khóa luận tốt nghiệp hoặc thực tập cuối khóa và học, thi học phần chuyên môn: 5 tín chỉ.

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Khóa luận tốt nghiệp	5	Phòng Đào tạo phối hợp với các khoa
2.	Hoặc đi thực tập cuối khóa và học, thi học phần chuyên môn:	5	
	a) Báo cáo thực tập cuối khóa	2	Các khoa
	b) Kỹ năng mềm - Kỹ năng làm việc chuyên nghiệp	3	Phòng Đào tạo
	Cộng:	5	

Tổng cộng: 124 tín chỉ.



Trần Hoàng Hải

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2020

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1007/QĐ-ĐHL ngày 30/10/2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh)

1. Chương trình tổng thể: khối lượng kiến thức của toàn chương trình là **121 tín chỉ**, được thực hiện trong 4,0 năm, trong đó:

Stt	Khối lượng kiến thức	Số tín chỉ
1.	Khối kiến thức giáo dục đại cương (không bao gồm 3 tín chỉ của học phần Giáo dục thể chất và 11 tín chỉ của học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh)	28
2.	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	93
	a) Kiến thức cơ sở của khối ngành và ngành	30
	b) Kiến thức ngành	58
	- Kiến thức chung:	34
	- Kiến thức chuyên sâu	14
	o Lĩnh vực Luật thương mại quốc tế công (chọn 8/12 tín chỉ)	8
	o Lĩnh vực Luật thương mại quốc tế tư (chọn 6/10 tín chỉ)	6
	- Kiến thức bổ trợ (chọn 10/14 tín chỉ)	10
	- Chuyên đề (giảng dạy bằng tiếng Anh): có 5/13 chuyên đề được xếp loại đạt yêu cầu. Kết quả học tập không tính vào điểm trung bình chung tích lũy của học kỳ/ năm học/ khóa học.	-
	c) Khóa luận tốt nghiệp hoặc thực tập cuối khóa và học, thi học phần chuyên môn	5
	Cộng:	121

2. Chương trình chi tiết

2.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 28 tín chỉ (không tính số tín chỉ của học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và an ninh).

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Triết học Mác - Lênin	3	Khoa Khoa học cơ bản
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Khoa Khoa học cơ bản
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Khoa Khoa học cơ bản
4.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Khoa Khoa học cơ bản
5.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa Khoa học cơ bản
6.	Logic học	2	Khoa Khoa học cơ bản
7.	Kỹ năng lập luận pháp lý	2	Khoa Khoa học cơ bản
8.	Kỹ năng soạn thảo văn bản	2	Khoa luật Hành chính
9.	Quản trị học	2	Khoa Quản trị
10.	Tin học đại cương	2	Trung tâm CNTT

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
11.	Tiếng Anh (<i>theo chương trình TOEIC quốc tế hoặc tương đương</i>)	7	Phòng Đào tạo
12.	Giáo dục thể chất	3	Khoa Khoa học cơ bản
13.	Giáo dục quốc phòng - an ninh	11	Phòng Đào tạo
	Cộng:	28	

2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 93 tín chỉ, trong đó:

2.2.1. Kiến thức cơ sở của khối ngành và ngành: 30 tín chỉ.

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Lý luận về nhà nước và pháp luật	3	Khoa luật Hành chính
2.	Luật Hiến pháp	2	Khoa luật Hành chính
3.	Luật Hành chính	2	Khoa luật Hành chính
4.	Những quy định chung về Luật dân sự, tài sản và thừa kế	3	Khoa luật Dân sự
5.	Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	3	Khoa luật Dân sự
6.	Luật Hôn nhân và Gia đình	2	Khoa luật Dân sự
7.	Luật Lao động	3	Khoa luật Dân sự
8.	Luật Hình sự	3	Khoa luật Hình sự
9.	Luật Tố tụng hình sự	2	Khoa luật Hình sự
10.	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	3	Khoa luật Thương mại
11.	Luật Đất đai	2	Khoa luật Thương mại
12.	Luật Môi trường	2	Khoa luật Thương mại
	Cộng:	30	

2.2.2. Kiến thức ngành: 58 tín chỉ.

a) Kiến thức chung: 34 tín chỉ.

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Công pháp quốc tế	3	Khoa luật Quốc tế
2.	Luật biển	2	Khoa luật Quốc tế
3.	Tư pháp quốc tế	3	Khoa luật Quốc tế
4.	Luật WTO	3	Khoa luật Quốc tế
5.	Pháp luật về đầu tư quốc tế	2	Khoa luật Quốc tế
6.	Luật kinh doanh quốc tế	3	Khoa luật Quốc tế
7.	Pháp luật về trọng tài thương mại quốc tế	2	Khoa luật Quốc tế
8.	Luật học so sánh	2	Khoa luật Quốc tế
9.	Luật sở hữu trí tuệ trong thương mại quốc tế	2	Khoa luật Quốc tế
10.	Luật Tố tụng dân sự	3	Khoa luật Dân sự
11.	Kỹ năng thực hành pháp luật	3	Khoa luật Dân sự
12.	Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ	2	Khoa luật Thương mại
13.	Luật Cạnh tranh	2	Khoa luật Thương mại
14.	Luật Thuế	2	Khoa luật Thương mại
	Cộng:	34	

b) Kiến thức chuyên sâu: 14 tín chỉ.

❖ *Lĩnh vực Luật thương mại quốc tế công: chọn 8/12 tín chỉ*

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Pháp luật về các biện pháp phòng vệ thương mại	2	Khoa luật Quốc tế
2.	Pháp luật thương mại ASEAN	2	Khoa luật Quốc tế
3.	Pháp luật về kinh doanh trong nền kinh tế số	2	Khoa luật Quốc tế
4.	Giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ WTO	2	Khoa luật Quốc tế
5.	Pháp luật về các hàng rào phi thuế quan	2	Khoa luật Quốc tế
6.	Pháp luật quốc tế về thương mại dịch vụ	2	Khoa luật Quốc tế
Cộng:		8/12	

❖ *Lĩnh vực Luật thương mại quốc tế tư: chọn 6/10 tín chỉ*

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Pháp luật về vận tải quốc tế	2	Khoa luật Quốc tế
2.	Pháp luật về giao dịch mua lại và sáp nhập doanh nghiệp xuyên biên giới (M&A)	2	Khoa luật Quốc tế
3.	Pháp luật về thanh toán quốc tế	2	Khoa luật Quốc tế
4.	Pháp luật về kinh doanh thương mại của các nước Đông Bắc Á	2	Khoa luật Quốc tế
5.	Luật hợp đồng trong hệ thống thông luật	2	Khoa luật Thương mại
Cộng:		6/10	

c) Kiến thức bổ trợ: chọn 10/14 tín chỉ

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Pháp luật về hợp đồng li-xăng và chuyển giao công nghệ quốc tế	2	Khoa luật Quốc tế
2.	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh quốc tế	2	Khoa luật Quốc tế
3.	Pháp luật về trợ tư pháp	2	Khoa luật Quốc tế
4.	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	2	Khoa luật Thương mại
5.	Án lệ và tập quán pháp	2	Khoa luật Hành chính
6.	Pháp luật về sở hữu công nghiệp	2	Khoa luật Dân sự
7.	Marketing căn bản	2	Khoa Quản trị
Cộng:		10/14	

d) *Chuyên đề (giảng dạy bằng tiếng Anh):* Sinh viên chọn 5/13 chuyên đề (Kết quả học tập không tính vào điểm trung bình chung tích lũy của học kỳ/ năm học/ khóa học)

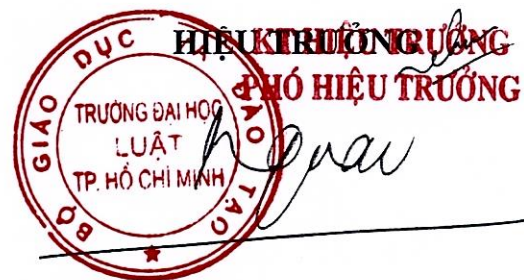
Stt	Tên học phần	Đơn vị thực hiện
1.	Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình (Presentation Skills)	Khoa luật Quốc tế
2.	Kỹ năng nghiên cứu và biện hộ thông qua Phiên tòa giả định (Research and Advocacy Skills at the Moot Court)	Khoa luật Quốc tế
3.	Pháp luật Hoa Kỳ về trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong kinh doanh (US Business Torts)	Khoa luật Quốc tế
4.	Đàm phán các hiệp định thương mại đa phương giả định (Multilateral Trade Negotiation Simulation)	Khoa luật Quốc tế

Stt	Tên học phần	Đơn vị thực hiện
5.	Hàng rào kỹ thuật trong thương mại (Technical Barriers to Trade)	Khoa luật Quốc tế
6.	Giao dịch mua, bán, sáp nhập doanh nghiệp xuyên biên giới (Cross - Border M&A)	Khoa luật Quốc tế
7.	AEC những cơ hội và thách thức cho Việt Nam (AEC opportunities and challenges for Vietnam)	Khoa luật Quốc tế
8.	Những vấn đề pháp lý và thực tiễn trong đầu tư quốc tế (Legal and Practical Issues in International Investment)	Khoa luật Quốc tế
9.	Nghề luật trong bối cảnh toàn cầu hóa (Legal profession in the light of globalization)	Khoa luật Quốc tế
10.	Luật Chống bán phá giá EU và Hoa Kỳ (EU and US Anti-Dumping Law)	Khoa luật Quốc tế
11.	Kỹ năng soạn thảo văn bản pháp lý trong điều kiện kinh doanh hiện đại (Legal Writing In Modern Business Context)	Khoa luật Quốc tế
12.	Các tập đoàn đa quốc gia, đầu tư quốc tế và vấn đề trách nhiệm xã hội (MNC, international investment and social responsibilities)	Khoa luật Quốc tế
13.	Luật thuế quốc tế (International Taxation)	Khoa luật Quốc tế

2.2.3. Khóa luận tốt nghiệp hoặc thực tập cuối khóa và học, thi học phần chuyên môn: 5 tín chỉ.

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Khóa luận tốt nghiệp	5	Phòng Đào tạo phối hợp với Khoa luật Quốc tế
2.	Hoặc đi thực tập cuối khóa và học, thi học phần chuyên môn:	5	
	a) Báo cáo thực tập cuối khóa	2	Khoa luật Quốc tế
	b) Kỹ năng mềm - Kỹ năng làm việc chuyên nghiệp	3	Phòng Đào tạo
	Cộng:	5	

Tổng cộng: 121 tín chỉ.



Trần Hoàng Hải

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2020

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **1007/QĐ-ĐHL** ngày 30/10/2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh)

1. Chương trình tổng thể: khối lượng kiến thức của toàn chương trình là **120 tín chỉ**, được thực hiện trong 4,0 năm, trong đó:

Stt	Khối lượng kiến thức	Số tín chỉ
1.	Khối kiến thức giáo dục đại cương (<i>không bao gồm 3 tín chỉ của học phần Giáo dục thể chất và 11 tín chỉ của học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh</i>)	27
2.	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	93
	a) Kiến thức cơ sở của khối ngành và ngành	23
	b) Kiến thức ngành	65
	- Kiến thức bắt buộc:	53
	- Kiến thức tự chọn (<i>chọn 12/18 tín chỉ</i>):	12
	c) Khóa luận tốt nghiệp hoặc thực tập cuối khóa và học, thi học phần chuyên môn	5
	Cộng:	120

2. Chương trình chi tiết

2.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 27 tín chỉ (không tính số tín chỉ của học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và an ninh).

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Triết học Mác - Lênin	3	Khoa Khoa học cơ bản
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Khoa Khoa học cơ bản
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Khoa Khoa học cơ bản
4.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Khoa Khoa học cơ bản
5.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa Khoa học cơ bản
6.	Toán cao cấp	2	Khoa Quản trị
7.	Toán kinh tế	2	Khoa Quản trị
8.	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	Khoa Quản trị
9.	Tin học đại cương	2	Trung tâm CNTT
10.	Tiếng Anh (<i>theo chương trình TOEIC quốc tế hoặc tương đương</i>)	7	Phòng Đào tạo
11.	Giáo dục thể chất	3	Khoa Khoa học cơ bản
12.	Giáo dục quốc phòng - an ninh	11	Phòng Đào tạo
	Cộng:	27	

2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 92 tín chỉ, trong đó:

2.2.1. Kiến thức cơ sở của khối ngành và ngành: 23 tín chỉ.

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Kinh tế vi mô	3	Khoa Quản trị
2.	Kinh tế vĩ mô	3	Khoa Quản trị
3.	Kinh tế lượng	3	Khoa Quản trị
4.	Marketing căn bản	3	Khoa Quản trị
5.	Nguyên lý kế toán	3	Khoa Quản trị
6.	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	Khoa Quản trị
7.	Quản trị học	3	Khoa Quản trị
8.	Logic học	2	Khoa Khoa học cơ bản
	Cộng:	23	

2.2.2. Kiến thức ngành: 65 tín chỉ.

a) Kiến thức bắt buộc: 53 tín chỉ.

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Quản trị chiến lược	3	Khoa Quản trị
2.	Quản trị tài chính	3	Khoa Quản trị
3.	Quản trị nguồn nhân lực	3	Khoa Quản trị
4.	Quản trị chất lượng	2	Khoa Quản trị
5.	Quản trị marketing	3	Khoa Quản trị
6.	Quản trị sản xuất	3	Khoa Quản trị
7.	Quản trị dự án	2	Khoa Quản trị
8.	Kế toán quản trị	2	Khoa Quản trị
9.	Nghệ thuật lãnh đạo	2	Khoa Quản trị
10.	Hệ thống thông tin quản lý	2	Khoa Quản trị
11.	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	Khoa Quản trị
12.	Quản trị hành chính văn phòng	2	Khoa Quản trị
13.	Quản lý bán hàng	2	Khoa Quản trị
14.	Hành vi khách hàng	2	Khoa Quản trị
15.	Khởi sự kinh doanh	2	Khoa Quản trị
16.	Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	3	Khoa luật Dân sự
17.	Luật Lao động	3	Khoa luật Dân sự
18.	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	3	Khoa luật Thương mại
19.	Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ	2	Khoa luật Thương mại
20.	Luật Cạnh tranh	2	Khoa luật Thương mại
21.	Luật Tài chính công	3	Khoa luật Thương mại
22.	Luật Thương mại quốc tế	2	Khoa luật Quốc tế
	Cộng:	53	

b) Kiến thức tự chọn: chọn 12/18 tín chỉ.

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Văn hóa doanh nghiệp	2	Khoa Quản trị
2.	Giao tiếp trong kinh doanh	2	Khoa Quản trị
3.	Thống kê kinh doanh	2	Khoa Quản trị
4.	Thị trường chứng khoán	2	Khoa Quản trị
5.	Kinh tế phát triển	2	Khoa Quản trị
6.	Kiểm soát nội bộ	2	Khoa Quản trị
7.	Luật Sở hữu trí tuệ	2	Khoa luật Dân sự
8.	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	2	Khoa luật Thương mại
9.	Luật Kinh doanh bảo hiểm	2	Khoa luật Thương mại
Cộng:		12/18	

2.2.3. Khóa luận tốt nghiệp hoặc thực tập cuối khóa và học, thi học phần chuyên môn: 5 tín chỉ.

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Khóa luận tốt nghiệp	5	Phòng Đào tạo phối hợp với Khoa Quản trị
2.	Hoặc đi thực tập cuối khóa và học, thi học phần chuyên môn:	5	
	a) Báo cáo thực tập cuối khóa	3	Khoa Quản trị
	b) Thanh toán quốc tế	2	Khoa Quản trị
Cộng:		5	

Tổng cộng: 120 tín chỉ.



Trần Hoàng Hải

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2020

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH QUẢN TRỊ - LUẬT THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **1007/QĐ-ĐHL** ngày 30/10/2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh)

1. Chương trình tổng thể: khối lượng kiến thức của toàn chương trình là **180 tín chỉ**, được thực hiện trong 5,0 năm, trong đó:

Stt	Khối lượng kiến thức	Số tín chỉ
1.	Khối kiến thức giáo dục đại cương (không bao gồm 3 tín chỉ của học phần Giáo dục thể chất và 11 tín chỉ của học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh)	27
2.	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	153
	a) Kiến thức cơ sở của khối ngành và ngành	37
	b) Kiến thức ngành	111
	- Kiến thức bắt buộc:	97
	- Kiến thức tự chọn:	14
	+ Kiến thức ngành Quản trị kinh doanh (chọn 8/16 tín chỉ):	8
	+ Kiến thức ngành Luật (chọn 6/12 tín chỉ):	6
	c) Khóa luận tốt nghiệp hoặc thực tập cuối khóa và học, thi học phần chuyên môn	5
	Cộng:	180

2. Chương trình chi tiết

2.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 27 tín chỉ (không tính số tín chỉ của học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và an ninh).

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Triết học Mác - Lênin	3	Khoa Khoa học cơ bản
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Khoa Khoa học cơ bản
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Khoa Khoa học cơ bản
4.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Khoa Khoa học cơ bản
5.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa Khoa học cơ bản
6.	Toán cao cấp	2	Khoa Quản trị
7.	Toán kinh tế	2	Khoa Quản trị
8.	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	Khoa Quản trị
9.	Tin học đại cương	2	Trung tâm CNTT
10.	Tiếng Anh (theo chương trình TOEIC quốc tế hoặc tương đương)	7	Phòng Đào tạo
11.	Giáo dục thể chất	3	Khoa Khoa học cơ bản
12.	Giáo dục quốc phòng - an ninh	11	Phòng Đào tạo
	Cộng:	27	

2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 153 tín chỉ, trong đó:

2.2.1. Kiến thức cơ sở của khối ngành và ngành: 37 tín chỉ.

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Kinh tế vi mô	3	Khoa Quản trị
2.	Kinh tế vĩ mô	3	Khoa Quản trị
3.	Kinh tế lượng	3	Khoa Quản trị
4.	Marketing căn bản	3	Khoa Quản trị
5.	Nguyên lý kế toán	3	Khoa Quản trị
6.	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	Khoa Quản trị
7.	Quản trị học	3	Khoa Quản trị
8.	Logic học	2	Khoa Khoa học cơ bản
9.	Tâm lý học đại cương	2	Khoa Khoa học cơ bản
10.	Kỹ năng lập luận pháp lý	2	Khoa Khoa học cơ bản
11.	Lý luận về nhà nước và pháp luật	3	Khoa luật Hành chính
12.	Lịch sử nhà nước và pháp luật	3	Khoa luật Hành chính
13.	Kỹ năng soạn thảo văn bản	2	Khoa luật Hành chính
14.	Luật học so sánh	2	Khoa luật Quốc tế
Cộng:		37	

2.2.2. Kiến thức ngành: 111 tín chỉ.

a) Kiến thức bắt buộc: 97 tín chỉ.

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Quản trị chiến lược	3	Khoa Quản trị
2.	Quản trị tài chính	3	Khoa Quản trị
3.	Quản trị nguồn nhân lực	3	Khoa Quản trị
4.	Quản trị chất lượng	2	Khoa Quản trị
5.	Quản trị marketing	3	Khoa Quản trị
6.	Quản trị sản xuất	3	Khoa Quản trị
7.	Quản trị dự án	2	Khoa Quản trị
8.	Kế toán quản trị	2	Khoa Quản trị
9.	Nghệ thuật lãnh đạo	2	Khoa Quản trị
10.	Hệ thống thông tin quản lý	2	Khoa Quản trị
11.	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	Khoa Quản trị
12.	Quản lý bán hàng	2	Khoa Quản trị
13.	Luật Hiến pháp	3	Khoa luật Hành chính
14.	Luật Hành chính	3	Khoa luật Hành chính
15.	Luật Tổ tụng hành chính	2	Khoa luật Hành chính
16.	Những quy định chung về Luật dân sự, tài sản và thừa kế	3	Khoa luật Dân sự
17.	Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	3	Khoa luật Dân sự
18.	Luật Hôn nhân và Gia đình	2	Khoa luật Dân sự
19.	Luật Lao động	3	Khoa luật Dân sự
20.	Luật Sở hữu trí tuệ	2	Khoa luật Dân sự
21.	Luật Tổ tụng dân sự	3	Khoa luật Dân sự

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
22.	Kỹ năng thực hành pháp luật	3	Khoa luật Dân sự
23.	Luật Hình sự phần chung	3	Khoa luật Hình sự
24.	Luật Hình sự phần các tội phạm	3	Khoa luật Hình sự
25.	Luật Tố tụng hình sự	3	Khoa luật Hình sự
26.	Tội phạm học	2	Khoa luật Hình sự
27.	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	3	Khoa luật Thương mại
28.	Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ	2	Khoa luật Thương mại
29.	Luật Cạnh tranh	2	Khoa luật Thương mại
30.	Luật Đầu tư	2	Khoa luật Thương mại
31.	Luật Đất đai	2	Khoa luật Thương mại
32.	Luật Môi trường	2	Khoa luật Thương mại
33.	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	2	Khoa luật Thương mại
34.	Luật Ngân hàng	2	Khoa luật Thương mại
35.	Luật Thuế	2	Khoa luật Thương mại
36.	Luật Kinh doanh bảo hiểm	2	Khoa luật Thương mại
37.	Công pháp quốc tế	3	Khoa luật Quốc tế
38.	Tư pháp quốc tế	3	Khoa luật Quốc tế
39.	Luật Thương mại quốc tế	3	Khoa luật Quốc tế
Cộng:		97	

b) Kiến thức tự chọn: 14 tín chỉ, trong đó:

❖ Kiến thức ngành Quản trị kinh doanh: chọn 8/16 tín chỉ

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Văn hóa doanh nghiệp	2	Khoa Quản trị
2.	Giao tiếp trong kinh doanh	2	Khoa Quản trị
3.	Thống kê kinh doanh	2	Khoa Quản trị
4.	Thị trường chứng khoán	2	Khoa Quản trị
5.	Thiết lập và thẩm định dự án	2	Khoa Quản trị
6.	Thanh toán quốc tế	2	Khoa Quản trị
7.	Hành vi khách hàng	2	Khoa Quản trị
8.	Khởi sự kinh doanh	2	Khoa Quản trị
Cộng:		8/16	

❖ Kiến thức ngành Luật: chọn 6/12 tín chỉ

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Giao dịch dân sự về bất động sản	2	Khoa luật Dân sự
2.	Pháp luật về thanh tra, khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng	2	Khoa luật Hành chính
3.	Công tác pháp chế trong doanh nghiệp	2	Khoa luật Thương mại
4.	Luật Thương mại điện tử	2	Khoa luật Thương mại
5.	Pháp luật về y tế và an toàn thực phẩm	2	Khoa luật Thương mại
6.	Pháp luật về trọng tài thương mại quốc tế	2	Khoa luật Quốc tế
Cộng:		6/12	

2.2.3. Khóa luận tốt nghiệp hoặc thực tập cuối khóa và học, thi học phần chuyên môn: 5 tín chỉ.

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Khóa luận tốt nghiệp (sinh viên chọn lĩnh vực thuộc ngành Luật (của 3 Khoa luật: Thương mại, Dân sự, Quốc tế) hoặc ngành Quản trị kinh doanh)	5	Phòng Đào tạo phối hợp với 4 khoa (Quản trị; Luật Thương mại, Luật Dân sự, Luật Quốc tế)
2.	Hoặc đi thực tập cuối khóa và học, thi học phần chuyên môn:	5	
	a) Báo cáo thực tập cuối khóa	3	Khoa Quản trị và các khoa ngành luật
	b) Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng thông dụng	2	Khoa luật Dân sự
	Cộng:	5	

Tổng cộng: 180 tín chỉ.

KT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Hoàng Hải

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2020

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH, CHUYÊN NGÀNH ANH VĂN PHÁP LÝ
THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **1007/QĐ-ĐHL** ngày 30/10/2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh)

1. Chương trình tổng thể: khối lượng kiến thức của toàn chương trình là **126 tín chỉ**, được thực hiện trong 4,0 năm, trong đó:

Stt	Khối lượng kiến thức	Số tín chỉ
1.	Khối kiến thức giáo dục đại cương (<i>không bao gồm 3 tín chỉ của học phần Giáo dục thể chất và 11 tín chỉ của học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh</i>)	34
	a) Kiến thức bắt buộc:	28
	b) Kiến thức tự chọn (chọn 6/12 tín chỉ):	6
2.	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	92
	a) Kiến thức cơ sở của khối ngành và ngành	16
	b) Kiến thức ngành	51
	- Kiến thức ngôn ngữ	9
	- Kiến thức tiếng	42
	c) Kiến thức chuyên ngành Anh văn pháp lý (<i>chọn 10/14 tín chỉ</i>)	10
	d) Kiến thức bổ trợ	10
	đ) Khóa luận tốt nghiệp hoặc thực tập cuối khóa và học, thi học phần chuyên môn	5
3.	Luyện thi IELTS: 12 tín chỉ (<i>không tính số tín chỉ này vào Chương trình đào tạo và cũng không tính điểm của các tín chỉ này vào điểm trung bình chung tích lũy của học kỳ/ năm học/ khóa học</i>)	-
	Cộng:	126

2. Chương trình chi tiết

2.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 34 tín chỉ (không tính số tín chỉ của học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và an ninh).

2.2.1. Kiến thức bắt buộc: 28 tín chỉ.

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Triết học Mác - Lênin	3	Khoa Khoa học cơ bản
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Khoa Khoa học cơ bản
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Khoa Khoa học cơ bản
4.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Khoa Khoa học cơ bản
5.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa Khoa học cơ bản
6.	Logic học	2	Khoa Khoa học cơ bản
7.	Tin học đại cương	2	Trung tâm CNTT
8.	Dẫn luận ngôn ngữ học (<i>Introduction to Linguistics</i>)	2	Khoa Ngoại ngữ pháp lý
9.	Ngữ âm và Âm vị học (<i>Phonetics and Phonology</i>)	3	Khoa Ngoại ngữ pháp lý

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
10.	Lý luận về nhà nước và pháp luật (<i>Theory of State and Law</i>)	3	Khoa luật Hành chính
11.	Kỹ năng soạn thảo văn bản	2	Khoa luật Hành chính
12.	Những quy định chung về Luật dân sự, tài sản và thừa kế	3	Khoa luật Dân sự
13.	Chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ đạt trình độ:	Sinh viên tự học và nộp chứng chỉ theo thông báo	Phòng Đào tạo
	a) Tiếng Anh: đạt 6,5 IELTS (<i>không áp dụng chương trình quốc tế: TOEIC và TOEFL</i>); và		
	b) Ngoại ngữ thứ 2: có một trong năm Ngoại ngữ đạt trình độ:		
	○ Tiếng Pháp: đạt từ DELF-A2 trở lên;		
	○ Tiếng Nhật: đạt từ JLPT-N4 trở lên;		
	○ Tiếng Nga: đạt từ TRKI-1 trở lên;		
	○ Tiếng Trung: đạt từ HSK-3 trở lên;		
○ Tiếng Đức: đạt từ ZD trở lên.			
	○ Nếu sinh viên không đạt năng lực Ngoại ngữ thứ 2 của một trong năm thứ tiếng theo quy định nêu trên thì chuẩn trình độ tiếng Anh phải đạt từ 7,0 IELTS trở lên.		
14.	Giáo dục thể chất	3	Khoa Khoa học cơ bản
15.	Giáo dục quốc phòng - an ninh	11	Phòng Đào tạo
Cộng:		28	

2.2.2. Kiến thức tự chọn: chọn 6/12 tín chỉ.

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Luật Hiến pháp	3	Khoa luật Hành chính
2.	Luật Hình sự phân chung	3	Khoa luật Hình sự
3.	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	3	Khoa luật Thương mại
4.	Công pháp quốc tế (<i>Public International Law</i>)	3	Khoa luật Quốc tế
Cộng:		6/12	

2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 92 tín chỉ, trong đó:

2.2.1. Kiến thức cơ sở của khối ngành và ngành: 16 tín chỉ.

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Kỹ năng ngôn ngữ - Học phần 1 (<i>Language Skills 1</i>)	4	Khoa Ngoại ngữ pháp lý
2.	Kỹ năng ngôn ngữ - Học phần 2 (<i>Language Skills 2</i>)	4	Khoa Ngoại ngữ pháp lý
3.	Kỹ năng ngôn ngữ - Học phần 3 (<i>Language Skills 3</i>)	4	Khoa Ngoại ngữ pháp lý
4.	Kỹ năng ngôn ngữ - Học phần 4 (<i>Language Skills 4</i>)	4	Khoa Ngoại ngữ pháp lý
Cộng:		16	

2.2.2. Kiến thức ngành: 51 tín chỉ.

a) Kiến thức ngôn ngữ: 9 tín chỉ.

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao (<i>Advanced Grammar</i>)	3	Khoa Ngoại ngữ pháp lý
2.	Viết tiếng Anh học thuật (<i>Academic Writing</i>)	3	Khoa Ngoại ngữ pháp lý
3.	Ngữ nghĩa học (<i>Semantics</i>)	3	Khoa Ngoại ngữ pháp lý
Cộng:		9	

b) Kiến thức tiếng: 42 tín chỉ.

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Nghe tiếng Anh pháp lý - Học phần 1 (<i>Legal Listening 1</i>)	3	Khoa Ngoại ngữ pháp lý
2.	Nói tiếng Anh pháp lý - Học phần 1 (<i>Legal Speaking 1</i>)	3	Khoa Ngoại ngữ pháp lý
3.	Đọc tiếng Anh pháp lý - Học phần 1 (<i>Legal Reading 1</i>)	3	Khoa Ngoại ngữ pháp lý
4.	Viết tiếng Anh pháp lý - Học phần 1 (<i>Legal Writing 1</i>)	3	Khoa Ngoại ngữ pháp lý
5.	Nghe tiếng Anh pháp lý - Học phần 2 (<i>Legal Listening 2</i>)	3	Khoa Ngoại ngữ pháp lý
6.	Nói tiếng Anh pháp lý - Học phần 2 (<i>Legal Speaking 2</i>)	3	Khoa Ngoại ngữ pháp lý
7.	Đọc tiếng Anh pháp lý - Học phần 2 (<i>Legal Reading 2</i>)	3	Khoa Ngoại ngữ pháp lý
8.	Viết tiếng Anh pháp lý - Học phần 2 (<i>Legal Writing 2</i>)	3	Khoa Ngoại ngữ pháp lý
9.	Nghe tiếng Anh pháp lý - Học phần 3 (<i>Legal Listening 3</i>)	2	Khoa Ngoại ngữ pháp lý
10.	Nói tiếng Anh pháp lý - Học phần 3 (<i>Legal Speaking 3</i>)	2	Khoa Ngoại ngữ pháp lý
11.	Đọc tiếng Anh pháp lý - Học phần 3 (<i>Legal Reading 3</i>)	2	Khoa Ngoại ngữ pháp lý
12.	Viết tiếng Anh pháp lý - Học phần 3 (<i>Legal Writing 3</i>)	2	Khoa Ngoại ngữ pháp lý
13.	Thuật ngữ pháp lý (<i>Legal Terminology</i>)	3	Khoa Ngoại ngữ pháp lý
14.	Biên phiên dịch pháp lý - Học phần 1 (<i>Legal Translation and Interpretation 1</i>)	3	Khoa Ngoại ngữ pháp lý
15.	Biên phiên dịch pháp lý - Học phần 2 (<i>Legal Translation and Interpretation 2</i>)	4	Khoa Ngoại ngữ pháp lý
	Cộng:	42	

2.2.3. Kiến thức chuyên ngành Anh văn pháp lý: chọn 10/14 tín chỉ.

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Thuật ngữ tiếng Anh thương mại quốc tế (<i>International Trade Terminology</i>)	2	Khoa Ngoại ngữ pháp lý
2.	Văn học Anh (<i>British Literature</i>)	2	Khoa Ngoại ngữ pháp lý
3.	Văn hóa Anh - Mỹ (<i>British - American Culture</i>)	2	Khoa Ngoại ngữ pháp lý
4.	Kỹ năng tư vấn luật và rà soát hợp đồng (<i>Legal Consulting and Contract Review</i>)	2	Khoa Ngoại ngữ pháp lý
5.	Kỹ năng thuyết trình (<i>Presentation Skills</i>)	2	Khoa Ngoại ngữ pháp lý
6.	Lập luận pháp lý và phương pháp nghiên cứu luật học (<i>Legal Reasoning and Legal Methodology</i>)	2	Khoa luật Hình sự + Khoa luật Hành chính
7.	Luật bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng (<i>Tort Law</i>)	2	Khoa luật Thương mại
	Cộng:	10/14	

2.2.4. Kiến thức bổ trợ: 10 tín chỉ.

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Kỹ năng soạn thảo các văn bản pháp lý - Học phần 1 (<i>Legal Drafting 1</i>)	2	Khoa Ngoại ngữ pháp lý
2.	Kỹ năng soạn thảo các văn bản pháp lý - Học phần 2 (<i>Legal Drafting 2</i>)	2	Khoa Ngoại ngữ pháp lý
3.	Luật WTO (WTO Law)	2	Khoa luật Quốc tế
4.	Luật kinh doanh quốc tế (<i>International Business Law</i>)	2	Khoa luật Quốc tế
5.	Luật hợp đồng (<i>Contract Law</i>)	2	Khoa luật Thương mại
Cộng:		10	

2.2.5. Khóa luận tốt nghiệp hoặc thực tập cuối khóa và học, thi học phần chuyên môn: 5 tín chỉ.

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Khóa luận tốt nghiệp	5	Phòng Đào tạo phối hợp với Khoa Ngoại ngữ pháp lý
2.	Hoặc đi thực tập cuối khóa và học, thi học phần chuyên môn:	5	
	a) Báo cáo thực tập cuối khóa	2	Khoa Ngoại ngữ pháp lý
	b) Tư pháp quốc tế	3	Khoa luật Quốc tế
Cộng:		5	

2.3. Luyện thi IELTS: 12 tín chỉ (không tính số tín chỉ này vào Chương trình đào tạo và cũng không tính điểm của các tín chỉ này vào điểm trung bình chung tích lũy của học kỳ/ năm học/ khóa học): sinh viên đăng ký học theo thông báo của Phòng Đào tạo và Khoa Ngoại ngữ pháp lý.

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Luyện thi IELTS - Học phần 1	4	Khoa Ngoại ngữ pháp lý
2.	Luyện thi IELTS - Học phần 2	4	Khoa Ngoại ngữ pháp lý
3.	Luyện thi IELTS - Học phần 3	4	Khoa Ngoại ngữ pháp lý
Cộng:		12	

Tổng cộng: 126 tín chỉ.



Trần Hoàng Hải

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2020

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC
NGÀNH LUẬT THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1007/QĐ-ĐHL ngày 30/10/2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh)

1. Chương trình tổng thể: khối lượng kiến thức của toàn chương trình là **121 tín chỉ**, được thực hiện trong 4,0 năm, trong đó:

Stt	Khối lượng kiến thức	Số tín chỉ
1.	Khối kiến thức giáo dục đại cương	20
2.	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	101
	a) Kiến thức cơ sở của khối ngành và ngành	22
	b) Kiến thức ngành	74
	- Kiến thức chung:	62
	- Kiến thức bắt buộc của nhóm ngành:	6
	- Kiến thức tự chọn của nhóm ngành:	6
	c) Khóa luận tốt nghiệp hoặc thực tập cuối khóa và học, thi học phần chuyên môn	5
	Cộng:	121

2. Chương trình chi tiết

2.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 20 tín chỉ.

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Triết học Mác - Lênin	3	Khoa Khoa học cơ bản
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Khoa Khoa học cơ bản
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Khoa Khoa học cơ bản
4.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Khoa Khoa học cơ bản
5.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa Khoa học cơ bản
6.	Tin học đại cương	2	-
7.	Tiếng Anh (theo chương trình TOEIC quốc tế hoặc tương đương)	7	-
	Cộng:	20	

2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 101 tín chỉ, trong đó:

2.2.1. Kiến thức cơ sở của khối ngành và ngành: 22 tín chỉ.

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Đại cương văn hóa Việt Nam	2	Khoa Khoa học cơ bản
2.	Kỹ năng lập luận pháp lý	2	Khoa Khoa học cơ bản

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
3.	Logic học	2	Khoa Khoa học cơ bản
4.	Tâm lý học đại cương	2	Khoa Khoa học cơ bản
5.	Xã hội học pháp luật	2	Khoa Khoa học cơ bản
6.	Lý luận về nhà nước và pháp luật	3	Khoa luật Hành chính
7.	Lịch sử nhà nước và pháp luật	3	Khoa luật Hành chính
8.	Kỹ năng soạn thảo văn bản	2	Khoa luật Hành chính
9.	Luật học so sánh	2	Khoa luật Quốc tế
10.	Quản trị học	2	Khoa Quản trị
Cộng:		22	

2.2.2. Kiến thức ngành: 74 tín chỉ.

a) Kiến thức chung: 62 tín chỉ.

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Luật Hiến pháp	3	Khoa luật Hành chính
2.	Luật Hành chính	3	Khoa luật Hành chính
3.	Luật Tố tụng hành chính	2	Khoa luật Hành chính
4.	Những quy định chung về Luật dân sự, tài sản và thừa kế	3	Khoa luật Dân sự
5.	Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	3	Khoa luật Dân sự
6.	Luật Hôn nhân và Gia đình	2	Khoa luật Dân sự
7.	Luật Lao động	3	Khoa luật Dân sự
8.	Luật Sở hữu trí tuệ	2	Khoa luật Dân sự
9.	Luật Tố tụng dân sự	3	Khoa luật Dân sự
10.	Kỹ năng thực hành pháp luật	3	Khoa luật Dân sự
11.	Luật Hình sự phần chung	3	Khoa luật Hình sự
12.	Luật Hình sự phần các tội phạm	3	Khoa luật Hình sự
13.	Luật Tố tụng hình sự	3	Khoa luật Hình sự
14.	Tội phạm học	2	Khoa luật Hình sự
15.	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	3	Khoa luật Thương mại
16.	Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ	2	Khoa luật Thương mại
17.	Luật Đầu tư	2	Khoa luật Thương mại
18.	Luật Đất đai	2	Khoa luật Thương mại
19.	Luật Môi trường	2	Khoa luật Thương mại
20.	Luật Ngân hàng	2	Khoa luật Thương mại
21.	Luật Tài chính công	3	Khoa luật Thương mại
22.	Công pháp quốc tế	3	Khoa luật Quốc tế
23.	Luật biển	2	Khoa luật Quốc tế
24.	Tư pháp quốc tế	3	Khoa luật Quốc tế
25.	Luật Thương mại quốc tế	3	Khoa luật Quốc tế
Cộng:		62	

b) Kiến thức bắt buộc của nhóm ngành: 6 tín chỉ.

❖ Kiến thức bắt buộc của nhóm ngành Dân sự - Thương mại và Quốc tế

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Giao dịch dân sự về bất động sản	2	Khoa luật Dân sự
2.	Luật Tranh tụng	2	Khoa luật Thương mại
3.	Luật kinh doanh quốc tế	2	Khoa luật Quốc tế
	Cộng:	6	

❖ Kiến thức bắt buộc của nhóm ngành Dân sự - Hình sự và Hành chính

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Pháp luật về an sinh xã hội	2	Khoa luật Dân sự
2.	Lý luận và kỹ năng định tội	2	Khoa luật Hình sự
3.	Pháp luật về thanh tra, khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng	2	Khoa luật Hành chính
	Cộng:	6	

c) Kiến thức tự chọn của nhóm ngành: 6 tín chỉ.

❖ Kiến thức tự chọn của nhóm ngành Dân sự - Thương mại và Quốc tế

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Hợp đồng dân sự thông dụng	2	Khoa luật Dân sự
2.	Luật Thi hành án dân sự	2	Khoa luật Dân sự
3.	Luật Thương mại điện tử	2	Khoa luật Thương mại
4.	Luật Kinh doanh bảo hiểm	2	Khoa luật Thương mại
5.	Pháp luật về trọng tài thương mại quốc tế	2	Khoa luật Quốc tế
6.	Pháp luật về đầu tư quốc tế	2	Khoa luật Quốc tế
	Cộng:	Chọn 6/12	

❖ Kiến thức tự chọn của nhóm ngành Dân sự - Hình sự và Hành chính

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	2	Khoa luật Dân sự
2.	Giải quyết các yêu cầu, tranh chấp về hôn nhân và gia đình	2	Khoa luật Dân sự
3.	Tâm lý học tư pháp	2	Khoa luật Hình sự
4.	Luật Thi hành án hình sự	2	Khoa luật Hình sự
5.	Thủ tục hành chính	2	Khoa luật Hành chính
6.	Pháp luật về công chứng, luật sư	2	Khoa luật Hành chính
	Cộng:	Chọn 6/12	

2.2.3. Khóa luận tốt nghiệp hoặc báo cáo chuyên đề thực tiễn và học, thi học phần chuyên môn: 5 tín chỉ.

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Khóa luận tốt nghiệp	5	Phòng Đào tạo phối hợp với các khoa
2.	Hoặc báo cáo chuyên đề thực tiễn và học, thi học phần chuyên môn:	5	
	a) Báo cáo chuyên đề thực tiễn	2	Các khoa
	b) Kỹ năng thực hành pháp luật	3	Khoa luật Dân sự
	Cộng:	5	

Tổng cộng: 121 tín chỉ.



Trần Hoàng Hải

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2020

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
HỆ CHÍNH QUY VÀ HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC
NGÀNH LUẬT THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ
(Dành cho người đã có bằng đại học)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1007/QĐ-ĐHL ngày 30/10/2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh)*

1. Chương trình tổng thể: khối lượng kiến thức của toàn chương trình là **88 tín chỉ**, được thực hiện trong 2,5 năm, trong đó:

Stt	Khối lượng kiến thức	Số tín chỉ
1.	Kiến thức cơ sở của khối ngành và ngành	9
2.	Kiến thức ngành	74
	a) Kiến thức chung:	62
	b) Kiến thức bắt buộc của nhóm ngành:	6
	c) Kiến thức tự chọn của nhóm ngành:	6
3.	Khoá luận tốt nghiệp hoặc báo cáo chuyên đề thực tiễn	5
	Cộng:	88

2. Chương trình chi tiết

2.1. Kiến thức cơ sở của khối ngành và ngành: 9 tín chỉ.

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Logic học	2	Khoa Khoa học cơ bản
2.	Kỹ năng lập luận pháp lý	2	Khoa Khoa học cơ bản
3.	Lý luận về nhà nước và pháp luật	3	Khoa luật Hành chính
4.	Kỹ năng soạn thảo văn bản	2	Khoa luật Hành chính
	Cộng:	9	

2.2. Kiến thức ngành: 74 tín chỉ, trong đó:

2.2.1. Kiến thức chung: 62 tín chỉ.

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Luật Hiến pháp	3	Khoa luật Hành chính
2.	Luật Hành chính	3	Khoa luật Hành chính
3.	Luật Tổ tụng hành chính	2	Khoa luật Hành chính
4.	Những quy định chung về Luật dân sự, tài sản và thừa kế	3	Khoa luật Dân sự
5.	Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	3	Khoa luật Dân sự

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
6.	Luật Hôn nhân và Gia đình	2	Khoa luật Dân sự
7.	Luật Lao động	3	Khoa luật Dân sự
8.	Luật Sở hữu trí tuệ	2	Khoa luật Dân sự
9.	Luật Tố tụng dân sự	3	Khoa luật Dân sự
10.	Luật Hình sự phân chung	3	Khoa luật Hình sự
11.	Luật Hình sự phân các tội phạm	3	Khoa luật Hình sự
12.	Luật Tố tụng hình sự	3	Khoa luật Hình sự
13.	Tội phạm học	2	Khoa luật Hình sự
14.	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	3	Khoa luật Thương mại
15.	Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ	2	Khoa luật Thương mại
16.	Luật Đầu tư	2	Khoa luật Thương mại
17.	Luật Đất đai	2	Khoa luật Thương mại
18.	Luật Môi trường	2	Khoa luật Thương mại
19.	Luật Ngân hàng	2	Khoa luật Thương mại
20.	Luật Tài chính công	3	Khoa luật Thương mại
21.	Công pháp quốc tế	3	Khoa luật Quốc tế
22.	Luật biển	2	Khoa luật Quốc tế
23.	Tư pháp quốc tế	3	Khoa luật Quốc tế
24.	Luật Thương mại quốc tế	3	Khoa luật Quốc tế
Cộng:		62	

2.2.2. Kiến thức bắt buộc của nhóm ngành: 6 tín chỉ.

a) Kiến thức bắt buộc của nhóm ngành Dân sự - Thương mại và Quốc tế

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Giao dịch dân sự về bất động sản	2	Khoa luật Dân sự
2.	Luật Cạnh tranh	2	Khoa luật Thương mại
3.	Luật kinh doanh quốc tế	2	Khoa luật Quốc tế
Cộng:		6	

b) Kiến thức bắt buộc của nhóm ngành Dân sự - Hình sự và Hành chính

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Pháp luật về an sinh xã hội	2	Khoa luật Dân sự
2.	Lý luận và kỹ năng định tội	2	Khoa luật Hình sự
3.	Pháp luật về thanh tra, khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng	2	Khoa luật Hành chính
Cộng:		6	

2.2.3. Kiến thức tự chọn của nhóm ngành: 6 tín chỉ.

a) Kiến thức tự chọn của nhóm ngành Dân sự - Thương mại và Quốc tế

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Hợp đồng dân sự thông dụng	2	Khoa luật Dân sự
2.	Luật Thi hành án dân sự	2	Khoa luật Dân sự

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
3.	Luật Thương mại điện tử	2	Khoa luật Thương mại
4.	Luật Kinh doanh bảo hiểm	2	Khoa luật Thương mại
5.	Pháp luật về trọng tài thương mại quốc tế	2	Khoa luật Quốc tế
6.	Pháp luật về đầu tư quốc tế	2	Khoa luật Quốc tế
Cộng:		Chọn 6/12	

b) Kiến thức tự chọn của nhóm ngành Dân sự - Hình sự và Hành chính

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	2	Khoa luật Dân sự
2.	Giải quyết các yêu cầu, tranh chấp về hôn nhân và gia đình	2	Khoa luật Dân sự
3.	Tâm lý học tư pháp	2	Khoa luật Hình sự
4.	Luật Thi hành án hình sự	2	Khoa luật Hình sự
5.	Thủ tục hành chính	2	Khoa luật Hành chính
6.	Pháp luật về công chứng, luật sư	2	Khoa luật Hành chính
Cộng:		Chọn 6/12	

2.3. Khóa luận tốt nghiệp hoặc báo cáo chuyên đề thực tiễn: 5 tín chỉ.

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Khóa luận tốt nghiệp	5	Phòng Đào tạo phối hợp với các khoa
2.	Hoặc báo cáo chuyên đề thực tiễn và học, thi học phần chuyên môn:	5	
	a) Báo cáo chuyên đề thực tiễn	2	Các khoa
	b) Kỹ năng thực hành pháp luật	3	Khoa luật Dân sự
Cộng:		5	

2.4. Một số yêu cầu về chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ, tin học; việc miễn học các môn Lý luận chính trị và xét làm khóa luận tốt nghiệp

2.4.1. Yêu cầu về chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ và tin học

a) Tin học:

- Sinh viên phải đạt chuẩn trình độ “Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản” (hoặc tương đương) hoặc MOS Word;
- Sinh viên tự học, thi và nộp chứng chỉ khi đủ điều kiện theo thông báo của Nhà trường.

b) Ngoại ngữ:

- Sinh viên phải đạt chuẩn trình độ tiếng Anh theo chương trình TOEIC quốc tế (hoặc TOEFL, IELTS tương đương). Cụ thể:

+ **Hệ chính quy:** Sinh viên phải đạt tối thiểu **400 điểm** TOEIC quốc tế hoặc tương đương;

+ **Hệ vừa làm vừa học:** Sinh viên phải đạt tối thiểu **300 điểm** TOEIC quốc tế hoặc tương đương.

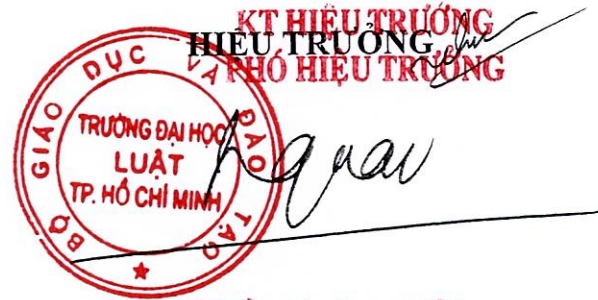
- Sinh viên tự học, thi và nộp chứng chỉ khi đủ điều kiện theo thông báo của Nhà trường.

- Hoặc sinh viên đăng ký học và thi chương trình TOEIC theo tiêu chuẩn và điều kiện của Trường (*tương đương 6 tín chỉ*).

2.4.2. Sinh viên được miễn học và thi các môn: Triết học Mác - Lênin; Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và Tư tưởng Hồ Chí Minh;

2.4.3. Việc xét cho sinh viên được viết Khóa luận tốt nghiệp do Nhà trường quy định cho từng khóa học, lớp học nhưng không quá 10% tổng số sinh viên toàn khóa và điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa của sinh viên không thấp hơn 7,0 (tính theo thang điểm 10)/.

Tổng cộng: 88 tín chỉ.



Trần Hoàng Hải